



## HỌC ANH NGỮ TRÊN ĐÀI VOA

Đi nghe bài học, xin [BỘ M V&Agrave;O Đ&Aacute;Y](#)

Đây là Chương Trình Anh Ngữ Sinh Động New Dynamic English bài 192. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả. Bài học hôm nay bắt đầu bằng một màn đàm thoại khá dễ "Getting dressed," trong đó vợ chồng Brian và Sally sắp sửa ra ngoài ăn tối. Brian có tật không nhìn ra màu sắc. Brian is colorblind. Quý vị nghe trước, sau đó nghe và lặp lại. Well, what's the problem? Vợ thì có sao không?

Cut 1

Daily Dialogue: Getting Dressed (Part 3)

Larry: Daily Dialogue: Getting Dressed (Part 3)

The husband changes his shirt.=ngõ i chõ ng thay áo s -mi.

Now you look like a Christmas tree! Trõng anh nhõ mõ t cây nô-en.

Larry: Listen to the conversation.

Sally: Is there any other shirt you could wear?

(short pause)

Brian: What do you mean?

(short pause)

Sally: Honey, your shirt is orange and your pants are green!

(short pause)

It's awful!

(short pause)

Brian: Oh, no. I thought this was my blue shirt.

(short pause)

Sally: I'm afraid it's not.

(short pause)

Brian: Well, you know that I'm colorblind!

(short pause)

You should tell me how I look.

(short pause)

Sally: Well, right now, you look like a pumpkin.

(short pause)

Brian: Thanks.

(short pause)

Well... how about this blue shirt?

(short pause)

Sally: It's not blue. It's red.

(short pause)

Brian: Well, what's the problem?

(short pause)

Sally: Now you look like a Christmas tree!

(short pause)

Larry: Listen and repeat.

Brian: Well... how about this blue shirt?

(pause for repeat)

Sally: It's not blue. It's red.

(pause for repeat)

Brian: Well, what's the problem?

(pause for repeat)

Sally: Now you look like a Christmas tree!

(pause for repeat)

MUSIC

Vietnamese Explanation

Ph␣n t␣i là ph␣n Câu đ␣ trong tu␣n, Question of the Week, trong đó quí v␣ nghe m␣t s␣ ti␣ng đ␣ng r␣i sau khi nghe câu h␣i, What is he doing? Ông ta đang làm gì? quí v␣ ph␣i đoán xem ng␣i đó làm gì. To open=m␣. To walk through=b␣c qua. To close=đóng l␣i. To run down stairs.=ch␣y xu␣ng c␣u thang. Downstairs=d␣i nhà. Upstairs=trên gác. The washing machine is downstairs=máy gi␣t ␣ d␣i nhà. The master bedroom is upstairs=phòng ng␣ l␣n nh␣t ␣ trên gác.

Cut 2

Question of the Week (question): What is he doing?

Larry: Question of the Week!

What is he doing?

UPBEAT MUSIC

Max: It's time for Question of the Week.

Today, we're going to listen to the sounds of a man doing something.

What do you think he's doing?

Kathy: I'm not sure I understand.

Max: Well... for example... listen to this:

SFX: Sound of a man opening a door, walking through it, and closing it

Max: What did you hear? What's he doing?

Kathy: Oh! A man is opening a door, walking into a room and then closing the door!

Max: Exactly!

Here are our questions.

We'll have the answers on our next show.

Question Number One: What is the man doing?

SFX: Sound of someone using a computer. Tiếng ng i đang dùng máy vi-tính.

Max: Okay, Question Number Two: What's he doing now?

SFX: Sound of someone running down stairs. Có tiếng ng i chạy xuống cầu thang.

Max: What's he doing?

Tune in next time for the answers to Question of the Week.

MUSIC

NDE Closing

Larry: A Question for You

Max: Now here's a question for you.

Larry: Listen for the bell, then say your answer.

Max: Which do you like better: stage plays or radio plays?

(ding)

(pause for answer)

Max: OK!

MUSIC

Vietnamese Explanation

Phần tiếp là câu chuyện giữa bài, Story Interlude, chủ đề là “Big cars,” xe hơi lớn hơn. To notice=để ý. I noticed something today while I was driving to work.=Hôm nay tôi để ý đến một điều gì đó trong khi tôi lái xe đến nơi. Everyone seems to be driving really big cars these days.=Hình như dạo này ai cũng lái xe hơi to hơn. Yes, cars are getting bigger.=Phải, xe hơi càng ngày càng lớn hơn. Now that my son is growing up, we need a big car.=Vì con trai tôi mỗi ngày một lớn nên tôi cần một chiếc xe hơi lớn. A compact, a small car=xe hơi nhỏ. Single people.= (1) người đi một mình; (2) người chỉ có một mình. This morning I saw lots of single people in these great big cars.=sáng nay tôi thấy nhiều người lái xe một mình trong những chiếc xe lớn đẹp. They feel safe in a big car.=họ cảm thấy an-toàn trong một chiếc xe hơi lớn. They want to look good=họ muốn trông cho sang.

### Cut 3

Story Interlude: Big cars

Larry: OK... and we're off the air.

SFX: Elizabeth entering

Eliz: Hello, everyone.

Max and Kathy: Hi, Elizabeth. Hello.

Eliz: I noticed something today, while I was driving to work.

Kathy: What's that?

Eliz: Everyone seems to be driving really big cars these days.

Max: Yes, cars are getting bigger.

(pause)

Actually, I've been thinking about getting a bigger car.

Kathy: Really, Max?

What kind of car do you drive now?

Max: Oh, it's a small car, a compact.

For me, it's fine, but now that that my son is growing up, we need a bigger car.

Eliz: Well, I can understand that.

If you have children, you need a bigger car.

But this morning, I saw lots of single people in these great big cars!

Kathy: I don't know. Maybe they feel safer in a big car.

Max: And they want to look good.

Kathy: Uh hunh.

Eliz: Excuse me, it's time to start my show.

Larry: Alri-i-i-ght. Quiet, please, everyone.

Vietnamese Explanation

Trong đ⊂ n t⊂ i, Functioning in Business, m⊂ t ch⊂ ng tr⊂ nh Anh Ng⊂ th⊂ ng m⊂ i trung c⊂ p, v⊂ t⊂ p t⊂ c và văn hóa trong th⊂ ng tr⊂ ng M⊂ , quý v⊂ nghe ph⊂ n “Coming to agreement, Part 6,” Đi đ⊂ n th⊂ a thu⊂ n, ph⊂ n 6. Ph⊂ n này chú tr⊂ ng v⊂ đ⊂ tính t⊂ ng lai, This program focuses on future plans. Trong ph⊂ n này, ta nghe ông hai ông Blake và Chapman bàn v⊂ tr⊂ giúp k⊂ thu⊂ t sau khi mua ng⊂ i máy rô-bô. You were working out some details regarding technical support.=các ông đang tìm cách gi⊂ i quy⊂ t vài chi ti⊂ t liên quan đ⊂ n tr⊂ giúp k⊂ thu⊂ t. To work out the problem=tìm cách gi⊂ i quy⊂ t v⊂ n đ⊂ . Regarding, concerning, about.=v⊂ , liên quan đ⊂ n. Solution.=gi⊂ i đáp. To find a solution to a problem.=tìm ra cách gi⊂ i quy⊂ t m⊂ t v⊂ n đ⊂ . We found a solution to the problem of storing spare parts.=chúng tôi đã tìm ra cách gi⊂ i quy⊂ t v⊂ n đ⊂ l⊂ u tr⊂ ph⊂ tũng thay th⊂ .

Cut 4

FIB Opening

MUSIC

Eliz: Hello, I'm Elizabeth Moore. Welcome to Functioning in Business!

MUSIC

Larry: Functioning in Business is an intermediate level business English course with a focus on American business practices and culture.

Today's unit is "Coming to Agreement, Part 6."

This program focuses on Discussing Future Plans.

MUSIC

Interview: Chapman

Larry: Interview

Eliz: Today, we are talking again to Mr. Stewart Chapman from New York.

SFX: Phone beep

Eliz: Hello, Mr. Chapman.

Chap: Hello.

Eliz: Today, we're listening again to your conversation with Mr. Blake.

You were still working out some details regarding technical support.

Chap: Yes. And we found a solution to the problem of storing extra parts.

Eliz: You seemed very happy with his answers.

Chap: I was satisfied, for the most part.

Eliz: Let's listen to the end of the conversation.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong phần tiếp, ông Chapman muốn gửi một số nhân viên trong ban chỉ huy của ông dùng máy bay sang Trung Quốc. Mr. Chapman would like some of his staff to fly to China. In operation.= đang chỉ y, đang hoạt động; tiếp đang tiếp = in action. I'd like some members of my staff to fly to China to see your robots in operation.= tôi muốn vài nhân viên trong ban đi u hành của tôi bay

sang Trung Quõ c đõ xem ngõ õ i máy rô-bô chõ y ra sao. To set up.=dàn xõ p, lo liõ u, arrange/organize. Can you set up an appointment for me to see my doctor next Friday? Bõ n có thõ xin hõ n cho tôi gõ p bác sĩ thõ sáu tuõ n sau không?

## Cut 5

Dialog: FIB Dialog, Meeting with Chapman and Blake

Larry: Dialog

Mr. Chapman would like some of his staff to fly to China.

If you can give me some dates, I'll set things up personally. Nõ u Ông cho tôi biõ t vài ngày mà ông đõ trừ sõ đi, tõ tôi sõ lo dàn xõ p mõ i chuyõ n.

Chap: So in that case, extra parts can be flown in rather than stored.

Blake: Absolutely. We can guarantee delivery by air within thirty-six hours.

And our technical support will be available twenty-four hours a day!

Chap: Excellent!

One more thing.

I'd like some members of my staff to fly to China to see your robots in operation.

Blake: Sure! That's not a problem.

If you can give me some dates, I'll set things up personally.

Chap: Splendid!

Well, it looks like we'll be able to do business together.

Blake: I certainly hope so!

MUSIC

Vietnamese Explanation



## Anh Ngữ sinh động - Bài số 192 : Mục lục náo.

T&#225;c Gi&#7843;: VOA

Th&#7913; S&#225;u, 24 Th&#225;ng 4 N&#259;m 2009 02:26

---

Quý vị v&#228;a h&#228;c xong bài 192 trong Chương Trình Anh Ngữ Sinh Động New Dynamic English.  
Ph&#228;m Văn xin kính chào quý vị th&#228;ng gi&#228; và xin h&#228;n g&#228;p l&#228;i trong bài h&#228;c k&#228; ti&#228;p.